

Số: **142** /TTr-UBND

Bắc Kạn, ngày **15** tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn với nội dung, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ điểm q khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

Căn cứ Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức Chính quyền địa phương 02 cấp

Căn cứ Công văn số 4205/BTC-NSNN ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, NSNN khi tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Cơ sở thực tiễn

Hiện nay trên địa bàn tỉnh, việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 đang được thực hiện theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong đó, đã quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa 03 cấp ngân sách gồm ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã.

Tuy nhiên, Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã đồng ý chủ trương tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (cấp tỉnh, cấp xã), **kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện từ ngày 01/7/2025** sau khi Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (sửa đổi) có hiệu lực thi hành.

Đồng thời, tại Kết luận số 137-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và điểm 2.7 khoản 2 mục II Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức Chính quyền địa phương 02 cấp đã định hướng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Đối với lĩnh vực giáo dục: Giữ nguyên các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non công lập và chuyển giao cho chính quyền địa phương cấp xã quản lý. Đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc UBND cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý và tổ chức lại để thực hiện cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- Đối với lĩnh vực y tế: Duy trì các Trạm Y tế xã, phường hiện có để đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Căn cứ vào diện tích, quy mô dân số của ĐVHC cấp xã mới, UBND cấp tỉnh có thể tổ chức lại thành 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để thực hiện nhiệm vụ về phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân trên địa bàn. Đối với các trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa thuộc UBND cấp huyện hiện nay sẽ chuyển về Sở Y tế quản lý để sắp xếp, tổ chức cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

- Sắp xếp, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cho người dân trên địa bàn (cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, nông nghiệp, môi trường,...).

- Sắp xếp lại, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên (Ban quản lý dự án) thuộc UBND cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực xây dựng, phát triển quỹ đất, giải phóng mặt bằng, trên địa bàn. Trường hợp cần thiết, UBND cấp tỉnh có thể thành lập đơn vị sự nghiệp thuộc Ban quản lý dự án của UBND cấp tỉnh để cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường.

Theo các nội dung nêu trên, khi không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp sẽ ảnh hưởng đến các quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ điều tiết các khoản thu tại Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 và Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

- Về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ điều tiết các khoản thu: Các khoản thu do ngân sách huyện, thành phố trước đây được hưởng (được hưởng 100% và được hưởng theo tỷ lệ phân chia) sẽ phải được điều chỉnh lại cho cấp tỉnh, cấp xã hưởng.

- Về phân cấp nhiệm vụ chi: Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện sẽ không còn; ngân sách cấp xã được phân cấp thêm các nhiệm vụ chi được bàn giao từ cấp huyện (gồm nhiệm vụ chi sự nghiệp y tế cho các trạm y tế xã, phường; nhiệm vụ chi sự nghiệp giáo dục cho các cơ sở giáo dục bậc THCS, Tiểu học, Mầm non;...).

Từ các căn cứ nêu trên, việc ban hành Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn tại địa phương.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật NSNN và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, đúng phân cấp, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng quản lý ngân sách của các cấp, kế thừa Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; sửa đổi, bổ sung các nội dung phù hợp với tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, đảm bảo khả thi trong tổ chức thực hiện.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện đúng quy trình tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết; đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và Sở Tài chính để lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các tổ chức, cá nhân, cơ quan, đơn vị có liên quan; đồng thời, lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của các sở, ngành, địa phương để thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết; gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định; tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết để trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thông qua phiên họp UBND tỉnh theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của Nghị quyết

Nghị quyết được bố cục thành 4 Điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Điều 4. Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4. Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6. Nguồn thu ngân sách cấp xã.
3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7. Các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương.
4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã.
5. Bãi bỏ nội dung “ngân sách huyện và thành phố (sau đây gọi chung là ngân sách cấp huyện) tại Điều 1.
6. Bãi bỏ cụm từ “ngân sách cấp huyện” tại khoản 5 Điều 3.
7. Bãi bỏ Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện.
8. Bãi bỏ Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Có hồ sơ dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình, gồm: (1) Thuyết minh dự thảo Nghị quyết; (2) Dự thảo Nghị quyết; (3) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các đơn vị, địa phương; (4) Bản chụp ý kiến của các đơn vị, địa phương; (5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (6) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp)./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP (Ô. Chính, Ô. Nguyên);
- Lưu: VT, Hồng, Lan..

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đăng Bình



THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

(Ban hành kèm theo Tờ trình số ~~142~~ /TTr-UBND ngày ~~15~~ /6/2025 của UBND tỉnh)

Các nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn được xây dựng trên cơ sở các quy định của Trung ương, kế thừa Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn, đảm bảo phù hợp với thực tiễn của tỉnh và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Đồng thời, dựa trên định hướng của Bộ Tài chính tại Công văn số 4205/BTC-NSNN ngày 02/4/2025 hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, NSNN khi tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp, trong đó tại tiết b, điểm 2.1, khoản 2 mục II nêu rõ: “Việc phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã sau sắp xếp nên giữ ổn định, đảm bảo nguồn thu như các xã trước sắp xếp. Nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện trước sắp xếp chuyển về ngân sách cấp tỉnh để thực hiện; trường hợp cấp xã sau sắp xếp có khả năng thực hiện những nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện trước sắp xếp, căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phù hợp”.

Theo đó, dự thảo Nghị quyết theo hướng:

- Bãi bỏ toàn bộ nội dung quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu của ngân sách cấp huyện.

- Đối với ngân sách cấp tỉnh: Bổ sung một số khoản thu do ngân sách cấp huyện chuyển về; điều chỉnh lại tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng (tỷ lệ % phân chia của ngân sách cấp huyện sẽ chuyển thành ngân sách cấp tỉnh hưởng).

- Đối với ngân sách cấp xã: Giữ ổn định, đảm bảo nguồn thu của cấp xã; bổ sung một số nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp xã để đảm bảo cấp xã có cơ sở pháp lý thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp trong các lĩnh vực.

Với định hướng trên, quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn được sửa đổi, bổ sung như sau:

STT	Quy định tại Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
1	“Điều 4. Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh 1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế), gồm: a) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá nhập khẩu; b) Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu; c) Thuế giá trị gia tăng không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị do Cục Thuế quản lý thu; d) Thuế thu nhập doanh nghiệp không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị Cục Thuế quản lý thu; đ) Thuế thu nhập cá nhân không kể thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản do Cục Thuế quản lý thu; e) Thu từ các hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán; g) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước do cấp tỉnh cấp phép; h) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan; i) Lệ phí môn bài đối với tổ chức do Cục Thuế	“Điều 4. Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh 1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế), gồm: a) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá nhập khẩu; b) Thuế tài nguyên; c) Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu; d) Thuế giá trị gia tăng không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị; đ) Thuế thu nhập doanh nghiệp không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị; e) Thuế thu nhập cá nhân (trừ thuế thu nhập của cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã do Đội Thuế liên huyện quản lý thu và thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản); g) Thu từ các hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán; h) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước phân ngân sách địa phương được hưởng; i) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;	Một số điểm thay đổi giữa dự thảo Nghị quyết với quy định cũ: - Bổ sung Thuế tài nguyên vào các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% do đây là khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100% nay bỏ cấp huyện, chuyển về ngân sách tỉnh. - Sửa lại nội dung đối với Thuế thu nhập cá nhân để không bị trùng lặp với phần thu trên địa bàn xã do Đội Thuế liên huyện thu. - Sửa lại nội dung đối với thu các khoản lệ phí (không bao gồm lệ phí trước bạ nhà, đất) để không bị trùng lặp với phần thu ngân sách cấp xã hưởng (lệ phí trước bạ nhà, đất là khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%). - Bổ sung khoản thu tiền sử dụng đất vào khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%. Khoản thu này trước đó là khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện, nay bỏ đơn vị hành chính cấp huyện, chỉ còn cấp tỉnh hưởng nên điều chỉnh thành khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%. Nội dung này cũng phù hợp với định hướng điều chỉnh các dự án đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất từ cấp huyện làm chủ đầu tư về cấp tỉnh làm chủ đầu tư. - Các nội dung còn lại cơ bản giữ ổn định.

quản lý thu; Các khoản lệ phí (không bao gồm lệ phí trước bạ) do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu;

k) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

l) Thu tiền cho thuê đất, mặt nước của tổ chức, cá nhân do Cục Thuế quản lý thu;

m) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế do cấp tỉnh quản lý; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;

n) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp tỉnh thu theo quyết định của người có thẩm quyền;

o) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

p) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quyết định xử lý;

q) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

r) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh;

k) Lệ phí môn bài đối với tổ chức; Các khoản lệ phí (không bao gồm lệ phí trước bạ nhà, đất) do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu;

l) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

m) Thu tiền cho thuê đất, mặt nước của tổ chức, cá nhân;

n) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế do cấp tỉnh quản lý; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;

o) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý;

p) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

q) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quyết định xử lý;

r) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

s) Tiền sử dụng đất sau khi trừ đi các chi phí hợp lý theo quy định của pháp luật (trừ thu tiền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý).

t) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế,

	nhân theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý; t) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước do cấp tỉnh quản lý; u) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương; v) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh. 2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương quy định tại Điều 7 Chương này. 3. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang. 4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương. 5. Các khoản thu khác của ngân sách tỉnh do các đơn vị cấp tỉnh nộp theo quy định của pháp luật.”	cho cấp tỉnh; u) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý; v) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước do cấp tỉnh quản lý; x) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương; y) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh. 2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương quy định tại Điều 7 Chương này. 3. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang. 4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương. 5. Các khoản thu khác của ngân sách tỉnh do các đơn vị cấp tỉnh nộp theo quy định của pháp luật.”	
2	Quy định Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện.	Bãi bỏ Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện.	Bãi bỏ nội dung nguồn thu của ngân sách cấp huyện để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
3	“Điều 6. Nguồn thu ngân sách cấp xã 1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%: a) Thuế thu nhập của cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã do Chi cục Thuế quản lý; b) Các khoản phí, lệ phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã tổ chức thu theo quy định; c) Lệ phí trước bạ nhà, đất; d) Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; đ) Thu từ các hoạt động sự nghiệp của xã, phần nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; e) Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác do xã quản lý theo quy định của pháp luật; g) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật thuộc cấp xã quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;	“Điều 6. Nguồn thu ngân sách cấp xã 1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%: a) Thuế thu nhập của cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã do Đội Thuế liên huyện quản lý; b) Các khoản phí, lệ phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã tổ chức thu theo quy định; c) Lệ phí trước bạ nhà, đất; d) Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; đ) Thu từ các hoạt động sự nghiệp của xã, phần nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; e) Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác do xã quản lý theo quy định của pháp luật; g) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật thuộc cấp xã quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu; h) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà	Điều 6 cơ bản giữ ổn định, chỉ điều chỉnh 2 nội dung để phù hợp với cơ cấu tổ chức của cơ quan Thuế và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, cụ thể: - Điều chỉnh “Thuế thu nhập của cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã do Chi cục Thuế quản lý” thành “Thuế thu nhập của cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã do Đội Thuế liên huyện quản lý”. - Điều chỉnh “4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục

h) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xử lý theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật; i) Các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm: Các khoản huy động đóng góp theo quy định của pháp luật, các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý và các khoản đóng góp tự nguyện khác; k) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách xã; l) Thu kết dư ngân sách cấp xã; 2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương quy định tại Điều 7 Chương này. 3. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang. 4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện. 5. Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật."	nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xử lý theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật; i) Các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm: Các khoản huy động đóng góp theo quy định của pháp luật, các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý và các khoản đóng góp tự nguyện khác; k) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách xã; l) Thu kết dư ngân sách cấp xã; 2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương quy định tại Điều 7 Chương này. 3. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang. 4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh. 5. Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật."	tiêu từ ngân sách cấp huyện." Thành "4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh".
4 "Điều 7. Các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương 1. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện, xã a) Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản; b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp; c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; d Tiền sử dụng đất (không kể thu tiền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý)" 2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương:	"Điều 7. Các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương 1. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã a) Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản; b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp; c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp." 2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương:	Một số điểm thay đổi giữa dự thảo Nghị quyết với quy định cũ: - Bỏ khoản thu Tiền sử dụng đất ra khỏi các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%). Khoản thu này trước đó là khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện, nay bỏ đơn vị hành chính cấp huyện, chỉ còn cấp tỉnh hưởng nên điều chỉnh thành khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%. Đối với tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách

ST T	Nội dung	Tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản			
1	Thành phố Bắc Kạn		40	60
2	Các huyện còn lại			100
II	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
1	Thành phố Bắc Kạn		40	60
2	Các huyện còn lại			100
III	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			
1	Thành phố Bắc Kạn		40	60
2	Các huyện còn lại			100
IV	Thu tiền sử dụng đất			
1	Đối với khoản thu tiền SDD từ các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân			
a	Thành phố, Ba Bể	10	90	
b	Các huyện còn lại		100	
2	Đối với tiền SDD thu từ các dự án được đầu tư từ nguồn vốn NSNN			
a	Thu từ quỹ đất hai bên đường được tạo bởi các dự án đầu tư đường giao thông.....	30	70	
b	Thu từ quỹ đất được tạo bởi các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách huyện...	10	90	
3	Đối với tiền SDD thu từ các dự án không sử dụng vốn NSNN			
a	Thành phố, Ba Bể	50	50	
b	Các huyện còn lại	30	70	

STT	Nội dung	Tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu (đơn vị: %)	
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
I	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản		
1	Các phường	40	60
2	Các xã còn lại		100
II	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
1	Các phường	40	60
2	Các xã còn lại		100
III	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
1	Các phường	40	60
2	Các xã còn lại		100

có một số điểm mới sau:

- Giữ nguyên tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng theo định hướng của Bộ Tài chính tại Công văn 4205/BTC-NSNN.

- Phần ngân sách cấp huyện hưởng điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh hưởng.

- Bỏ tỷ lệ điều tiết khoản thu Tiền sử dụng đất do đã điều chỉnh thành khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

5	Quy định Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện.	Bãi bỏ Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện.	Bãi bỏ nội dung nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
6	“Điều 10. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã 1. Chi đầu tư phát triển a) Đầu tư xây dựng cơ bản công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách xã theo phân cấp của cấp tỉnh theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này; b) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Chi thường xuyên a) Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội theo phân cấp: Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật dân quân tự vệ; chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật; Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật; b) Chi sự nghiệp giáo dục: Hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trên địa bàn xã; c) Chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ (không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ); d) Chi sự nghiệp y tế: Hỗ trợ phục vụ chăm sóc sức	“Điều 10. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã 1. Chi đầu tư phát triển a) Đầu tư xây dựng cơ bản công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách xã theo phân cấp của cấp tỉnh theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này; b) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Chi thường xuyên a) Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo phân cấp: Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật dân quân tự vệ; chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật; Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật; Chi thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp. b) Chi sự nghiệp giáo dục, bao gồm: Giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, các hoạt động giáo dục khác theo phân cấp; hỗ trợ hoạt động đào tạo và dạy nghề trên địa bàn xã; c) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đối với các nhiệm vụ của cấp xã theo phân cấp;	Sửa đổi nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo hướng: - Kế thừa quy định tại Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn. - Bổ sung một số nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp xã để đảm bảo cấp xã có cơ sở pháp lý thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp trong các lĩnh vực.

đ) Chi hoạt động văn hóa, thông tin, truyền thanh, thể dục thể thao;

e) Chi hoạt động bảo vệ môi trường, bao gồm thu gom, xử lý rác thải;

g) Chi các hoạt động kinh tế, bao gồm: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng, các công trình khác do xã quản lý; hỗ trợ khuyến khích phát triển các hoạt động kinh tế như: khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm theo chế độ quy định; các hoạt động kinh tế khác;

h) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội:

Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước: Tiền lương cho cán bộ, công chức; tiền công lao động và hoạt động phí đại biểu Hội đồng nhân dân; các khoản phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước; công tác phí; chi về hoạt động, văn phòng, như: chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, phí bưu điện, điện thoại, hội nghị, chi tiếp tân, khánh tiết; chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên trụ sở, phương tiện làm việc và tài sản cố định khác; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho cán bộ xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định; chi khác theo chế độ quy định;

Kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam ở xã;

Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam) sau khi trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác (nếu có);

i) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở xã theo quy định của pháp luật;

k) Chi cho công tác xã hội do xã quản lý: Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy

theo phân cấp;

đ) Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin, phát thanh, truyền hình, thể dục thể thao đối với các nhiệm vụ của cấp xã theo phân cấp;

e) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường đối với các nhiệm vụ của cấp xã theo phân cấp;

g) Chi các hoạt động kinh tế do cấp xã quản lý, bao gồm: Sự nghiệp giao thông; sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; sự nghiệp tài nguyên, hoạt động kiến thiết thị chính; các hoạt động kinh tế khác được tính phân cấp quản lý;

h) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; các tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã:

Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước: Tiền lương cho cán bộ, công chức; tiền công lao động và hoạt động phí đại biểu Hội đồng nhân dân; các khoản phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước; công tác phí; chi về hoạt động, văn phòng, như: chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, phí bưu điện, điện thoại, hội nghị, chi tiếp tân, khánh tiết; chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên trụ sở, phương tiện làm việc và tài sản cố định khác; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho cán bộ xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định; chi khác theo chế độ quy định;

Kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã;

Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã sau khi trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác (nếu có);

i) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở xã theo quy định của pháp luật;

k) Chi bảo đảm xã hội do xã quản lý theo phân cấp;

l) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định

	định (không kể trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc một lần cho cán bộ xã nghỉ việc từ 01/01/1998 trở về sau do bảo hiểm xã hội chi trả); chi thăm hỏi các gia đình chính sách, chi trợ giúp xã hội và công tác xã hội khác; 1) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật, bao gồm chi nộp trả ngân sách cấp trên; 3. Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo phân cấp. 4. Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau của ngân sách cấp xã.”	của pháp luật, bao gồm chi nộp trả ngân sách cấp trên; 3. Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo phân cấp. 4. Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau của ngân sách cấp xã./.”	
--	---	---	--

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

Số: /2025/NQ-HĐND

Dự thảo lần 2

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Kạn, ngày tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 30 (KỲ HỌP THƯỜNG LỆ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngàytháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày tháng ... năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ

năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế), gồm:

- a) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá nhập khẩu;
- b) Thuế tài nguyên;
- c) Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu;
- d) Thuế giá trị gia tăng không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị;
- đ) Thuế thu nhập doanh nghiệp không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị;
- e) Thuế thu nhập cá nhân (trừ thuế thu nhập của cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã do Đội Thuế liên huyện quản lý thu và thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản);
- g) Thu từ các hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán;
- h) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng;
- i) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- k) Lệ phí môn bài đối với tổ chức; Các khoản lệ phí (không bao gồm lệ phí trước bạ nhà, đất) do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu;
- l) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;
- m) Thu tiền cho thuê đất, mặt nước của tổ chức, cá nhân;
- n) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế do cấp tỉnh quản lý; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;

o) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý;

p) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

q) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quyết định xử lý;

r) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

s) Tiền sử dụng đất sau khi trừ đi các chi phí hợp lý theo quy định của pháp luật (*trừ thu tiền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý*);

t) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh;

u) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý;

v) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước do cấp tỉnh quản lý;

x) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;

y) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương quy định tại Điều 7 Chương này.

3. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang.

4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

5. Các khoản thu khác của ngân sách tỉnh do các đơn vị cấp tỉnh nộp theo quy định của pháp luật".

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

"Điều 6. Nguồn thu ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%;

a) Thuế thu nhập của cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã do Đội Thuế liên huyện quản lý;

b) Các khoản phí, lệ phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã tổ chức thu theo quy định;

c) Lệ phí trước bạ nhà, đất;

d) Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh;

đ) Thu từ các hoạt động sự nghiệp của xã, phần nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

e) Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác do xã quản lý theo quy định của pháp luật;

g) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật thuộc cấp xã quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

h) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xã xử lý theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

i) Các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm: Các khoản huy động đóng góp theo quy định của pháp luật, các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý và các khoản đóng góp tự nguyện khác;

k) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách xã;

1) Thu kết dư ngân sách cấp xã.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương quy định tại Điều 7 Chương này.

3. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh.

5. Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương

1. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã.

a) Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản;

b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương:

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu (đơn vị: %)	
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
I	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản		
1	Các phường	40	60
2	Các xã		100
II	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
1	Các phường	40	60
2	Các xã		100
III	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
1	Các phường	40	60
2	Các xã		100

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư xây dựng cơ bản công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách xã theo phân cấp của cấp tỉnh theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Chi thường xuyên

a) Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo phân cấp:

Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật dân quân tự vệ; chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

Chi thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp.

b) Chi sự nghiệp giáo dục, bao gồm: Giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, các hoạt động giáo dục khác theo phân cấp; hỗ trợ hoạt động đào tạo và dạy nghề trên địa bàn xã;

c) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đối với các nhiệm vụ của cấp xã

theo phân cấp;

d) Chi sự nghiệp y tế đối với các nhiệm vụ của cấp xã theo phân cấp;

đ) Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin, phát thanh, truyền hình, thể dục thể thao đối với các nhiệm vụ của cấp xã theo phân cấp;

e) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường đối với các nhiệm vụ của cấp xã theo phân cấp;

g) Chi các hoạt động kinh tế do cấp xã quản lý, bao gồm: Sự nghiệp giao thông; sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; sự nghiệp tài nguyên, hoạt động kiến thiết thị chính; các hoạt động kinh tế khác được tỉnh phân cấp quản lý;

h) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; các tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã:

Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước: Tiền lương cho cán bộ, công chức; tiền công lao động và hoạt động phí đại biểu Hội đồng nhân dân; các khoản phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước; công tác phí; chi về hoạt động, văn phòng, như: chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, phí bưu điện, điện thoại, hội nghị, chi tiếp tân, khánh tiết; chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên trụ sở, phương tiện làm việc và tài sản cố định khác; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho cán bộ xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định; chi khác theo chế độ quy định;

Kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã;

Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã sau khi trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác (nếu có);

i) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở xã theo quy định của pháp luật;

k) Chi bảo đảm xã hội do xã quản lý theo phân cấp;

l) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật, bao gồm chi nộp trả ngân sách cấp trên;

3. Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo phân cấp.

4. Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau của ngân sách cấp xã./."

Điều 2. Bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

1. Bãi bỏ nội dung "ngân sách huyện và thành phố (sau đây gọi chung là ngân sách cấp huyện) tại Điều 1.

2. Bãi bỏ cụm từ "ngân sách cấp huyện" tại khoản 5 Điều 3.

3. Bãi bỏ Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện.

4. Bãi bỏ Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày.....

2. Quy định chuyển tiếp

Đối với các khoản thu của ngân sách cấp huyện theo quy định của 07/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn, phát sinh trước ngày Nghị quyết sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực nhưng sau khi Nghị quyết có hiệu lực mới nộp vào ngân sách nhà nước, thì thuộc nguồn thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá X Kỳ họp thứ 30 (kỳ họp thường lệ) thông qua ngày tháng năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý VPHC (Bộ Tư pháp);
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- TT Tỉnh uỷ, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng CTHĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh

THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

(Ban hành kèm theo Tờ trình số: 142 /TTr-UBND ngày 15/6/2025 của UBND tỉnh)

Các nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn được xây dựng trên cơ sở các quy định của Trung ương, kế thừa Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn, đảm bảo phù hợp với thực tiễn của tỉnh và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Đồng thời, dựa trên định hướng của Bộ Tài chính tại Công văn số 4205/BTC-NSNN ngày 02/4/2025 hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, NSNN khi tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp, trong đó tại tiết b, điểm 2.1, khoản 2 mục II nêu rõ: “Việc phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã sau sắp xếp nên giữ ổn định, đảm bảo nguồn thu như các xã trước sắp xếp. Nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện trước sắp xếp chuyển về ngân sách cấp tỉnh để thực hiện; trường hợp cấp xã sau sắp xếp có khả năng thực hiện những nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện trước sắp xếp, căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phù hợp”.

Theo đó, dự thảo Nghị quyết theo hướng:

- Bãi bỏ toàn bộ nội dung quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu của ngân sách cấp huyện.

- Đối với ngân sách cấp tỉnh: Bổ sung một số khoản thu do ngân sách cấp huyện chuyển về; điều chỉnh lại tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng (tỷ lệ % phân chia của ngân sách cấp huyện sẽ chuyển thành ngân sách cấp tỉnh hưởng).

- Đối với ngân sách cấp xã: Giữ ổn định, đảm bảo nguồn thu của cấp xã; bổ sung một số nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp xã để đảm bảo cấp xã có cơ sở pháp lý thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp trong các lĩnh vực.

Với định hướng trên, quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn được sửa đổi, bổ sung như sau:

STT	Quy định tại Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết	Thuyết minh
1	“Điều 4. Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh 1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế), gồm: a) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá nhập khẩu; b) Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu; c) Thuế giá trị gia tăng không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị do Cục Thuế quản lý thu; d) Thuế thu nhập doanh nghiệp không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị Cục Thuế quản lý thu; đ) Thuế thu nhập cá nhân không kể thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản do Cục Thuế quản lý thu; e) Thu từ các hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán; g) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước do cấp tỉnh cấp phép; h) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoản chi phí hoạt động; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan; i) Lệ phí môn bài đối với tổ chức do Cục Thuế	“Điều 4. Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh 1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% (bao gồm cả khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế), gồm: a) Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá nhập khẩu; b) Thuế tài nguyên; c) Thuế bảo vệ môi trường, trừ thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu; d) Thuế giá trị gia tăng không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị; đ) Thuế thu nhập doanh nghiệp không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị; e) Thuế thu nhập cá nhân (trừ thuế thu nhập của cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã do Đội Thuế liên huyện quản lý thu và thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản); g) Thu từ các hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán; h) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng; i) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoản chi phí hoạt động; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;	Một số điểm thay đổi giữa dự thảo Nghị quyết với quy định cũ: - Bổ sung Thuế tài nguyên vào các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100% do đây là khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100% nay bỏ cấp huyện, chuyển về ngân sách tỉnh. - Sửa lại nội dung đối với Thuế thu nhập cá nhân để không bị trùng lặp với phần thu trên địa bàn xã do Đội Thuế liên huyện thu. - Sửa lại nội dung đối với thu các khoản lệ phí (không bao gồm lệ phí trước bạ nhà, đất) để không bị trùng lặp với phần thu ngân sách cấp xã hưởng (lệ phí trước bạ nhà, đất là khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%). - Bổ sung khoản thu tiền sử dụng đất vào khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%. Khoản thu này trước đó là khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện, nay bỏ đơn vị hành chính cấp huyện, chỉ còn cấp tỉnh hưởng nên điều chỉnh thành khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%. Nội dung này cũng phù hợp với định hướng điều chỉnh các dự án đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất từ cấp huyện làm chủ đầu tư về cấp tỉnh làm chủ đầu tư. - Các nội dung còn lại cơ bản giữ ổn định.

quản lý thu; Các khoản lệ phí (không bao gồm lệ phí trước bạ) do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu;

k) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

l) Thu tiền cho thuê đất, mặt nước của tổ chức, cá nhân do Cục Thuế quản lý thu;

m) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế do cấp tỉnh quản lý; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;

n) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp tỉnh thu theo quyết định của người có thẩm quyền;

o) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

p) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quyết định xử lý;

q) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

r) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh;

k) Lệ phí môn bài đối với tổ chức; Các khoản lệ phí (không bao gồm lệ phí trước bạ nhà, đất) do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu;

l) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

m) Thu tiền cho thuê đất, mặt nước của tổ chức, cá nhân;

n) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế do cấp tỉnh quản lý; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;

o) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý;

p) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

q) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quyết định xử lý;

r) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

s) Tiền sử dụng đất sau khi trừ đi các chi phí hợp lý theo quy định của pháp luật (trừ thu tiền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý).

t) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế,

	nhân theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý; t) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước do cấp tỉnh quản lý; u) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương; v) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh. 2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương quy định tại Điều 7 Chương này. 3. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang. 4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương. 5. Các khoản thu khác của ngân sách tỉnh do các đơn vị cấp tỉnh nộp theo quy định của pháp luật.”	cho cấp tỉnh; u) Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý; v) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước do cấp tỉnh quản lý; x) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương; y) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh. 2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương quy định tại Điều 7 Chương này. 3. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang. 4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương. 5. Các khoản thu khác của ngân sách tỉnh do các đơn vị cấp tỉnh nộp theo quy định của pháp luật.”	
2	Quy định Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện.	Bãi bỏ Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện.	Bãi bỏ nội dung nguồn thu của ngân sách cấp huyện để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
3	“Điều 6. Nguồn thu ngân sách cấp xã 1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%: a) Thuế thu nhập của cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã do Chi cục Thuế quản lý; b) Các khoản phí, lệ phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã tổ chức thu theo quy định; c) Lệ phí trước bạ nhà, đất; d) Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; đ) Thu từ các hoạt động sự nghiệp của xã, phần nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; e) Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác do xã quản lý theo quy định của pháp luật; g) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật thuộc cấp xã quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;	“Điều 6. Nguồn thu ngân sách cấp xã 1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%: a) Thuế thu nhập của cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã do Đội Thuế liên huyện quản lý; b) Các khoản phí, lệ phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã tổ chức thu theo quy định; c) Lệ phí trước bạ nhà, đất; d) Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; đ) Thu từ các hoạt động sự nghiệp của xã, phần nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; e) Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác do xã quản lý theo quy định của pháp luật; g) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật thuộc cấp xã quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu; h) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà	Điều 6 cơ bản giữ ổn định, chỉ điều chỉnh 2 nội dung để phù hợp với cơ cấu tổ chức của cơ quan Thuế và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, cụ thể: - Điều chỉnh “Thuế thu nhập của cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã do Chi cục Thuế quản lý” thành “Thuế thu nhập của cá nhân kinh doanh trên địa bàn xã do Đội Thuế liên huyện quản lý”. - Điều chỉnh “4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục

	h) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xử lý theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật; i) Các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm: Các khoản huy động đóng góp theo quy định của pháp luật, các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý và các khoản đóng góp tự nguyện khác; k) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách xã; l) Thu kết dư ngân sách cấp xã; 2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương quy định tại Điều 7 Chương này. 3. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang. 4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện. 5. Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật.”	nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xã xử lý theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật; i) Các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm: Các khoản huy động đóng góp theo quy định của pháp luật, các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách xã quản lý và các khoản đóng góp tự nguyện khác; k) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách xã; l) Thu kết dư ngân sách cấp xã; 2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương quy định tại Điều 7 Chương này. 3. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang. 4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh. 5. Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật.”	tiêu từ ngân sách cấp huyện.” Thành “4. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh”.
4	“Điều 7. Các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương 1. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện, xã a) Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản; b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp; c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; d Tiền sử dụng đất (không kể thu tiền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý)” 2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu	“Điều 7. Các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương 1. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã a) Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản; b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp; c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.” 2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương:	Một số điểm thay đổi giữa dự thảo Nghị quyết với quy định cũ: - Bỏ khoản thu Tiền sử dụng đất ra khỏi các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%). Khoản thu này trước đó là khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện, nay bỏ đơn vị hành chính cấp huyện, chỉ còn cấp tỉnh hưởng nên điều chỉnh thành khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%. Đối với tỷ lệ phần trăm (%) phân

ST T	Nội dung	Tỷ lệ (%) phân chia các khoản thu		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản			
1	Thành phố Bắc Kạn		40	60
2	Các huyện còn lại			100
II	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
1	Thành phố Bắc Kạn		40	60
2	Các huyện còn lại			100
III	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			
1	Thành phố Bắc Kạn		40	60
2	Các huyện còn lại			100
IV	Thu tiền sử dụng đất			
1	Đối với khoản thu tiền SDD từ các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân			
a	Thành phố, Ba Bể	10	90	
b	Các huyện còn lại		100	
2	Đối với tiền SDD thu từ các dự án được đầu tư từ nguồn vốn NSNN			
a	Thu từ quỹ đất hai bên đường được tạo bởi các dự án đầu tư đường giao thông.....	30	70	
b	Thu từ quỹ đất được tạo bởi các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách huyện...	10	90	
3	Đối với tiền SDD thu từ các dự án không sử dụng vốn NSNN			
a	Thành phố, Ba Bể	50	50	
b	Các huyện còn lại	30	70	

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu (đơn vị: %)	
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
I	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản		
1	Các phường	40	60
2	Các xã còn lại		100
II	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
1	Các phường	40	60
2	Các xã còn lại		100
III	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
1	Các phường	40	60
2	Các xã còn lại		100

các cấp chính quyền địa phương, có một số điểm mới sau:

- Giữ nguyên tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng theo định hướng của Bộ Tài chính tại Công văn 4205/BTC-NSNN.

- Phân ngân sách cấp huyện hưởng điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh hưởng.

- Bỏ tỷ lệ điều tiết khoản thu Tiền sử dụng đất do đã điều chỉnh thành khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

5	Quy định Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện.	Bãi bỏ Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện.	Bãi bỏ nội dung nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp
6	“Điều 10. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã 1. Chi đầu tư phát triển a) Đầu tư xây dựng cơ bản công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách xã theo phân cấp của cấp tỉnh theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này; b) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Chi thường xuyên a) Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội theo phân cấp: Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật dân quân tự vệ; chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật; Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật; b) Chi sự nghiệp giáo dục: Hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trên địa bàn xã; c) Chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ (không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ); d) Chi sự nghiệp y tế: Hỗ trợ phục vụ chăm sóc sức	“Điều 10. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã 1. Chi đầu tư phát triển a) Đầu tư xây dựng cơ bản công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách xã theo phân cấp của cấp tỉnh theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này; b) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý theo các lĩnh vực chi được quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Chi thường xuyên a) Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo phân cấp: Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật dân quân tự vệ; chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật; Chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã; các khoản chi khác theo quy định của pháp luật; Chi thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp. b) Chi sự nghiệp giáo dục, bao gồm: Giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, các hoạt động giáo dục khác theo phân cấp; hỗ trợ hoạt động đào tạo và dạy nghề trên địa bàn xã; c) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đối với các nhiệm vụ của cấp xã theo phân cấp;	Sửa đổi nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo hướng: - Kế thừa quy định tại Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn. - Bổ sung một số nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp xã để đảm bảo cấp xã có cơ sở pháp lý thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp trong các lĩnh vực.

đ) Chi hoạt động văn hóa, thông tin, truyền thanh, thể dục thể thao;

e) Chi hoạt động bảo vệ môi trường, bao gồm thu gom, xử lý rác thải;

g) Chi các hoạt động kinh tế, bao gồm: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng, các công trình khác do xã quản lý; hỗ trợ khuyến khích phát triển các hoạt động kinh tế như: khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm theo chế độ quy định; các hoạt động kinh tế khác;

h) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội:

Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước: Tiền lương cho cán bộ, công chức; tiền công lao động và hoạt động phi đại biểu Hội đồng nhân dân; các khoản phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước; công tác phí; chi về hoạt động, văn phòng, như: chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, phí bưu điện, điện thoại, hội nghị, chi tiếp tân, khánh tiết; chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên trụ sở, phương tiện làm việc và tài sản cố định khác; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho cán bộ xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định; chi khác theo chế độ quy định;

Kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam ở xã;

Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam) sau khi trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác (nếu có);

i) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở xã theo quy định của pháp luật;

k) Chi cho công tác xã hội do xã quản lý: Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy

theo phân cấp;

đ) Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin, phát thanh, truyền hình, thể dục thể thao đối với các nhiệm vụ của cấp xã theo phân cấp;

e) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường đối với các nhiệm vụ của cấp xã theo phân cấp;

g) Chi các hoạt động kinh tế do cấp xã quản lý, bao gồm: Sự nghiệp giao thông; sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; sự nghiệp tài nguyên, hoạt động kiến thiết thị chính; các hoạt động kinh tế khác được tính phân cấp quản lý;

h) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam cấp xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; các tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã:

Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước: Tiền lương cho cán bộ, công chức; tiền công lao động và hoạt động phi đại biểu Hội đồng nhân dân; các khoản phụ cấp khác theo quy định của Nhà nước; công tác phí; chi về hoạt động, văn phòng, như: chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, phí bưu điện, điện thoại, hội nghị, chi tiếp tân, khánh tiết; chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên trụ sở, phương tiện làm việc và tài sản cố định khác; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn cho cán bộ xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định; chi khác theo chế độ quy định;

Kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã;

Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở xã sau khi trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác (nếu có);

i) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở xã theo quy định của pháp luật;

k) Chi bảo đảm xã hội do xã quản lý theo phân cấp;

l) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định

	định (không kể trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc một lần cho cán bộ xã nghỉ việc từ 01/01/1998 trở về sau do bảo hiểm xã hội chi trả); chi thăm hỏi các gia đình chính sách, chi trợ giúp xã hội và công tác xã hội khác; 1) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật, bao gồm chi nộp trả ngân sách cấp trên; 3. Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo phân cấp. 4. Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau của ngân sách cấp xã.”	của pháp luật, bao gồm chi nộp trả ngân sách cấp trên; 3. Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo phân cấp. 4. Chi chuyển nguồn từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau của ngân sách cấp xã./.”	
--	---	---	--

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến của các đơn vị, địa phương đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

Thực hiện nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh Bắc Kạn tại Thông báo số 95/TB-UBND ngày 27/5/2025 về việc Kết luận phiên họp UBND tỉnh đánh giá tình hình kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025; thông qua một số nội dung trình HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Sở Tài chính đã xây dựng xong hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn; thực hiện đăng tải dự thảo Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và Sở Tài chính để lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các cơ quan, đơn vị có liên quan; đồng thời, lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của các đơn vị, địa phương để thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết.

Trên cơ sở ý kiến góp ý bằng văn bản của các đơn vị, địa phương; sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính báo cáo giải trình, tiếp thu theo Biểu đính kèm.

(Có văn bản góp ý của các đơn vị, địa phương gửi kèm).

Vậy, Sở Tài chính báo cáo để UBND tỉnh gửi HĐND tỉnh kèm theo hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLNS (QH).



GIÁM ĐỐC

Trần Công Hòa

BẢN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý BẰNG VĂN BẢN ĐỐI VỚI HỒ SƠ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY ĐỊNH PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CHO THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH BẮT ĐẦU TỪ NĂM 2022 CỦA TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STC ngày /5/2025 của Sở Tài chính)

ST T	Đơn vị	Nội dung góp ý của các đơn vị, địa phương	Nội dung tiếp thu, giải trình của Sở Tài chính
I	Các ý kiến nhất trí	Các đơn vị, địa phương nhất trí với nội dung hồ sơ dự thảo Nghị quyết gồm: - Ban quản lý các khu công nghiệp, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Chữ thập đỏ, Kho bạc Nhà nước khu vực VI, Liên minh hợp tác xã, Sở Công thương, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Văn hóa, thể thao và du lịch, Sở Xây dựng, Tòa án nhân dân tỉnh, Trường Chính trị, UBND tỉnh, Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình NN&PTNT, Trường Cao đẳng Bắc Kạn, Đài PTTH tỉnh. - UBND thành phố Bắc Kạn, UBND các huyện: Ngân Sơn, Chợ Đồn, Na Rì, Pác Nặm, Bạch Thông, Ba Bể, Chợ Mới.	
II	Các ý kiến khác		
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	- Một số nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã quy định tại khoản 6 Điều 1 Dự thảo nghị quyết còn quy định chung chung, chưa rõ ràng " <i>Chỉ thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh theo phân cấp; chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đối với các nhiệm vụ của cấp xã theo phân cấp; chi sự nghiệp y tế đối với các nhiệm vụ của cấp xã theo phân cấp;...</i> " do đó cần quy định cụ thể để phù hợp với khoản 1 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 " <i>I. Ngân sách trung ương, ngân sách mỗi cấp chính quyền địa phương được phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể</i> " và thuận lợi cho địa phương trong triển khai thực hiện. - Về thể thức văn bản, đề nghị xem xét sắp xếp theo trình tự: (1) Các nội dung sửa đổi, bổ sung; (2) Các nội dung bãi bỏ để đảm bảo dễ hiểu, dễ thực hiện.	Sở Tài chính tiếp thu và đã bổ sung một số nhiệm vụ chi cụ thể đối với các lĩnh vực chi. Đối với một số lĩnh vực, hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể về điều chỉnh nhiệm vụ của cấp huyện về cấp xã hoặc cấp tỉnh thực hiện, Sở Tài chính ghi chung là "các nhiệm vụ khác của cấp xã theo phân cấp". Sở Tài chính sẽ bám sát các văn bản hướng dẫn của các Trung ương, các Bộ, ngành để tiếp tục bổ sung nhiệm vụ chi tiết của cấp xã đối với các lĩnh vực, đảm bảo đúng với phân cấp của cấp xã. Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa thể thức của dự thảo Nghị quyết.
2	Chi cục Thuế khu vực VI	Đề nghị bổ sung Điều 6. Nguồn thu ngân sách cấp xã: "- Thuế giá trị gia tăng không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị do Thuế cơ sở quản lý thu; - Thuế thu nhập doanh nghiệp không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí từ các doanh nghiệp và đơn vị do Thuế cơ sở quản lý thu".	Sở Tài chính không tiếp thu. Lý do: Nguồn thu ngân sách cấp xã tại dự thảo Nghị quyết được xây dựng theo định hướng của Bộ Tài chính tại Công văn số 4205/BTC-NSNN, trong đó nêu rõ: "Việc phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã sau sắp xếp nên giữ ổn định, đảm bảo nguồn thu như các xã trước sắp xếp", theo đó dự thảo Nghị quyết giữ ổn định nguồn thu của cấp xã.

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 và Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023 của HĐND tỉnh Bắc Kạn

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1436/STC-QLNS ngày 29/5/2025 của Sở Tài chính về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 và Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023 của HĐND tỉnh Bắc Kạn. Sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Ngày 07/12/2021, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023 của HĐND tỉnh).

Tuy nhiên, thực hiện chủ trương xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp, kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện từ ngày 01/7/2025, do đó, để đảm bảo phù hợp với hoạt động của mô hình tổ chức chính quyền địa phương như trên, việc sửa đổi các quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 tại Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023 của HĐND tỉnh) là cần thiết và phù hợp.

II. TÍNH HỢP HIỆN, HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết

1.1. Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND quy định về nguồn thu ngân sách cấp tỉnh. Trong đó, tại nội dung sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 1 Điều 4 quy

định về nguồn thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: “h) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước do cấp tỉnh cấp phép”. Tại nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 6, Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NĐ-CP cũng không có quy định đối với tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên nước.

Tuy nhiên, đối với tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, theo điểm r khoản 1 Điều 15 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%: “r) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật”. Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: “Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thực hiện nộp 70% cho ngân sách trung ương, 30% cho ngân sách địa phương, đối với Giấy phép do Trung ương cấp; 100% cho ngân sách địa phương, đối với Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp”. Đối với tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, theo khoản 3 Điều 54 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: “Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thu, nộp về địa phương nơi có công trình khai thác nước. Đối với công trình khai thác nước là hồ chứa mà phạm vi công trình nằm trên địa bàn từ 2 tỉnh trở lên, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước sẽ được phân chia cho từng tỉnh trên cơ sở tỷ lệ (%) số tiền nộp thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên”. Do đó, để HĐND tỉnh có cơ sở xem xét, đề nghị đơn vị soạn thảo làm rõ về “Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng” nhưng không thuộc trường hợp “cấp tỉnh cấp phép”.

1.2. Tại nội dung sửa đổi, bổ sung điểm o khoản 1 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND quy định khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: “o) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp tỉnh thu theo quyết định của người có thẩm quyền”. Tại nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 6, Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NĐ-CP cũng không có quy định đối với khoản thu từ bán tài sản nhà nước.

Tuy nhiên, điểm l khoản 1 Điều 15 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%: “l) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức

chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc địa phương quản lý". Do đó, đề HĐND tỉnh có cơ sở xem xét, đề nghị đơn vị soạn thảo giải trình về việc không quy định tại dự thảo Nghị quyết đối với trường hợp do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp có vốn của ngân sách địa phương tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc cấp xã thu (nếu có).

2. Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết

Để đảm bảo đầy đủ, đề nghị bổ sung nội dung sửa đổi, bổ sung Điều 1 (hoặc bãi bỏ nội dung "ngân sách huyện và thành phố (sau đây gọi chung là ngân sách cấp huyện" tại Điều 1) và bãi bỏ cụm từ "ngân sách cấp huyện" tại khoản 5 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND.

3. Nội dung khác

Đề nghị nghiên cứu thêm về việc bổ sung quy định chuyển tiếp đối với trường hợp khoản thu của ngân sách cấp huyện theo quy định của Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND, phát sinh trước ngày Nghị quyết sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực nhưng sau khi Nghị quyết có hiệu lực mới thu nộp vào ngân sách nhà nước.

II. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO

1. Đề nghị trình bày lại dự thảo Nghị quyết theo Mẫu số 31, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL. Điều chỉnh bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý theo Mẫu số 09, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Tại phần căn cứ ban hành:

- Để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, đề nghị bỏ căn cứ ban hành là Kết luận số 137-KL/TW, Nghị quyết số 60-NQ/TW.

- Để đảm bảo chính xác, đề nghị bổ sung từ "Bộ trưởng" vào trước "Bộ Tài chính" tại các căn cứ là Thông tư số 342/2016/TT-BTC.

3. Đề nghị điều chỉnh tên dự thảo Nghị quyết thành: Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023) của HĐND tỉnh. Đồng thời điều chỉnh tên Điều 1 dự thảo Nghị quyết theo hướng như trên.

4. Tại nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND (tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết): Đề nghị bỏ từ “còn lại” sau từ “Các xã”.

5. Tại phần nơi nhận, để đảm bảo chính xác, đề nghị điều chỉnh nơi nhận là “Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp)” thành “Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp)”.

Dự thảo Nghị quyết sau khi giải trình, tiếp thu các ý kiến nêu trên, đủ điều kiện trình UBND tỉnh xem xét trình HĐND tỉnh thông qua.

Trên đây là báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 và Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023 của HĐND tỉnh Bắc Kạn; Sở Tư pháp gửi Sở Tài chính nghiên cứu, xem xét./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Sở Tài chính;
- GD Sở, PGD Sở (đ/c Trung);
- Lưu: VT, XD&KTVB.



BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023) của Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

Thực hiện nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh Bắc Kạn tại Thông báo số 95/TB-UBND ngày 27/5/2025 về việc Kết luận phiên họp UBND tỉnh đánh giá tình hình kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025; thông qua một số nội dung trình HĐND tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021- 2026, Sở Tài chính đã xây dựng xong hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương cho thời kỳ ổn định ngân sách bắt đầu từ năm 2022 của tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 26/4/2023) của HĐND tỉnh; thực hiện đăng tải dự thảo Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và Sở Tài chính để lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các cơ quan, đơn vị có liên quan; đồng thời, lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của các đơn vị, địa phương để thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết.

Sau khi tiếp thu ý kiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Tài chính ban hành Văn bản số 1436/STC-QLNS ngày 29/5/2025 gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh. Ngày 06/6/2025, Sở Tư pháp cho ý kiến thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 163/STP-BCTĐ; sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp theo Biểu đính kèm.

Với nội dung trên, Sở Tài chính báo cáo đề UBND tỉnh gửi HĐND tỉnh kèm theo hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLNS.



GIÁM ĐỐC

Trần Công Hòa